

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUAN HÓA  
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 33 /2021/HS-ST

Ngày: 28 / 9 /2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lữ Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Phạm Văn Hùng

- Ông Hoàng Văn Hùng

***- Thư ký phiên tòa:*** bà Phạm Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** bà Phạm Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1. Trần Văn D** - Sinh năm 1987, SQ: tại Thị Trấn Ph, huyện C, Tỉnh Th. Nơi ĐKKHKT: Khu phố M, Thị Trấn C, huyện B, tỉnh Th.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12. Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Trần Văn L. Sinh năm: 1955, con bà: Dương Thị Ng. Sinh năm: 1956. Chỗ ở: Khu phố V, Thị Trấn C, huyện B, tỉnh Th. Vợ: Bùi Thị Gi - sinh năm 1988; có 02 con.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt Tạm giữ, tạm giam ngày 05/6/2021 cho đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa (bị cáo có mặt).

**2. Trương Văn Tr**- Sinh năm 1982, tại huyện B, Tỉnh Th. Nơi ĐKKHKT: Phố C, Thị Trấn C, huyện B, tỉnh Th.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không.

Con ông: Trương Thanh L. Sinh năm: 1950. Con bà: Hà Thị A. Sinh năm: 1950. Hiện đang trú tại Khu phố Q, Thị trấn C, huyện B, tỉnh Th. Vợ: Bùi Thị T – sinh năm 1987 có 02 con.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt Tạm giữ, tạm giam ngày 05/6/2021 cho đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt.

Người có QLNV liên quan: Chị Trương Thị D – sinh năm 1979 trú tại khu 4 Thị trấn C, huyện B, tỉnh Th. Vắng mặt có lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 05/6/2021 Công an xã Ph, huyện Q, tỉnh Th đang làm nhiệm vụ tuần tra tại khu vực bản Ô, xã Ph, huyện Q thì phát hiện hai người đàn ông điều khiển xe máy đi từ hướng bản Suối T, xã Ph đến UBND xã Ph. Khi nhìn thấy lực lượng Công an người đàn ông ngồi sau xe có hành vi thả một vật từ tay trái xuống mặt đường. Tổ công tác đã ra tín hiệu dừng xe kiểm tra, hai người đàn ông khai tên là: Trần Văn D, sinh năm: 1987 trú tại Phố M, thị trấn C, huyện B, tỉnh Th và Trương Văn Tr, sinh năm: 1982 trú tại: Phố 1, Thị trấn C, huyện B, tỉnh Th. Tiến hành kiểm tra vật do người ngồi sau xe máy là Trần Văn D thả xuống mặt đường thì phát hiện đó là một bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long màu vàng bên trong chứa một gói nilon màu trắng có chứa cục chất bột màu trắng ngà nghi là Heroine; 01 (một) gói nilon màu trắng bên trong có 01 (một) gói nilon màu đen chứa các cục bột màu hồng nghi là ma túy tổng hợp. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng toàn bộ vật chứng.

Tại bản Kết luận giám định số: 1789/PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa ngày 11/06/2021 kết luận:

Cục chất bột màu trắng ngà của phong của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 1,918g (một phẩy chín một tám gam) loại Heroine.

Các cục bột màu hồng của phong của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng (trọng lượng) 0,062g (không phẩy không sáu hai gam) loại Methamphetamine.

**Quá trình điều tra** Trần Văn D và Trương Văn Tr khai nhận như sau:

Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 05/06/2021 Trần Văn D đi bộ từ nhà đến trường THPT Bá Thước 1 thì gặp Trương Văn Tr ở Phố 1, Thị trấn C, huyện B, D rủ Tr đi mua ma túy về sử dụng vì cả hai đều nghiện ma túy, Tr đồng ý và chở D trên chiếc xe máy xe máy biển kiểm soát: 36H7 – 042.62 nhãn hiệu HONDA, màu sơn đỏ đen (xe do Tr mượn của chị gái tên là Trương Thị D) từ Thị trấn C, huyện B lên bản Suối T, xã Ph, huyện Q. Tại đây D gặp và hỏi mua ma túy với người đàn ông không biết tên, tuổi địa chỉ gặp ở bên đường một gói nhỏ chất bột màu trắng ngà Heroine và một gói chất bột màu hồng là ma túy tổng hợp với số tiền là 280.000đ (*Hai trăm tám mươi nghìn đồng*) là tiền của D. Sau khi mua được ma túy D lấy ra một ít sau đó cả hai cùng sử dụng. Số ma túy còn lại D bỏ vào bao thuốc lá cầm trên tay ngồi sau xe máy do Tr điều khiển quay về. Khi về đến bản Ô, xã Ph, thì bị lực lượng Công an huyện Quan Hóa dừng xe kiểm tra phát hiện số ma túy nêu trên nên đã lập biên bản bắt như đã nêu trên.

**Về vật chứng vụ án:**

- Toàn bộ vỏ bao gói niêm phong và 1,813g (một phẩy tám một ba gam) các cục chất bột trắng ngà; 0,030g (không phẩy không ba không gam) các cục bột màu hồng là mẫu vật còn lại sau giám. Tất cả được đựng trong một phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên của Lê Minh Tiến, Lưu Bình Nguyên, Lương Văn Thuyên và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thanh Hóa. Hiện đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa.

- 01 (một) vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long màu vàng, 01 (một) túi nilon màu trắng, 01 (một) gói ni lon màu trắng, 01 (một) gói ni lon màu đen. Tất cả các đối tượng sau khi giám định nêu trên được niêm phong trong phong bì thư do Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành được dán kín có các chữ ký, chữ viết của các bên và các hình dấu giáp lai của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa.

- Một chiếc xe mo to mang biển kiểm soát 36H7 – 04262 xe đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của bà Trương Thị D, trú Khu 4 Thị trấn C, huyện B, tỉnh Th. Tất cả các vật chứng nêu trên hiện đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa.

Lời khai của bị cáo Trần Văn D, Trương văn Tr là phù hợp với các chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 31/CT-VKS-QH- HS ngày 08 tháng 9 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa truy tố các bị cáo Trần Văn D và Trương Văn Tr về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS 2015

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Trần Văn D và Trương Văn Tr và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn D và Trương Văn Tr phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

Áp dụng: điểm i khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điều 58 BLHS năm 2015.

Xử phạt: bị cáo Trần Văn D từ 21 tháng đến 24 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 05/6/2021.

Bị cáo Trương Văn Tr từ 20 tháng đến 22 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 05/6/2021.

Ngoài ra, Đại diện Viện Kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết những vấn đề khác trong vụ án như xử lý vật chứng, án phí.

Trong phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến gì. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải, mong HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng một mức án nhẹ để các bị cáo có cơ hội cải tạo, tu dưỡng thành người công dân có ích cho xã hội

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng*: Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì. Do đó, mọi quyết định tố tụng, hành vi tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đều hợp pháp.

[2] *Xét hành vi phạm tội của các bị cáo*: Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố; lời khai của các bị cáo phù hợp với Biên bản phạm tội quả tang; Kết luận giám định, và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo đã có hành vi mua, tàng trữ, cất giấu chất ma túy nhằm mục đích sử dụng, thỏa mãn cơn nghiện của bản thân. Các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về số ma túy thu giữ được trong quá trình bắt quả tang có khối lượng 1,980g (một phẩy chín tám gam) loại Heroine và Methamphetamine. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là đúng

người, đúng tội, đúng pháp luật

[3] *Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:* Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước; làm ảnh hưởng đến trật tự, trị an tại địa phương. Các Bị cáo ý thức được hậu quả của ma túy đối với sức khỏe và đời sống xã hội cũng như sự ngăn cấm của pháp luật nhưng vì để thỏa mãn cơn nghiện của bản thân; bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi của các bị cáo phải bị xử lý nghiêm để đảm bảo răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] *Xét vị trí, vai trò của những người đồng phạm:* Vụ án thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có ai là người tổ chức, xúi giục. Bị cáo D là người thực hành tích cực, chủ động rủ bị cáo Tr, chuẩn bị tiền; trực tiếp giao dịch mua ma túy và trực tiếp cất giấu ma túy. Bị cáo Tr chuẩn bị phương tiện (xe máy) nhưng không trực tiếp giao dịch, không trực tiếp cất giấu ma túy nên Tr chỉ là người giúp sức. Do đó khi lượng hình, HĐXX cũng xem xét, cân nhắc cho bị cáo Tr được hưởng mức án nhẹ hơn để đảm bảo phân hóa trách nhiệm hình sự giữa các bị cáo.

[5] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các bị cáo luôn có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo chưa có tiền án tiền sự, nhân thân tốt. Từ đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 BLHS để các bị cáo thấy rõ sự khoan hồng của pháp luật; bị cáo Trương Văn Tr có mẹ bà Hà Thị A có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, từ đó bị cáo Tr được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 điều 51 BLHS.

[6] *Về hình phạt chính :* Từ những căn cứ nêu trên, cần áp dụng quy định tại điểm i khoản 1, Điều 249, điểm s khoản 1 (khoản 2 đối với bị cáo Tr) Điều 51, Điều 38 BLHS 2015; xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đủ sức răn đe, để các bị cáo tích cực cải tạo, rèn luyện trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] *Về hình phạt bổ sung:* các bị cáo là người nghiện ma túy, không có công việc, thu nhập ổn định. Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] *Về xử lý vật chứng:*

+ Toàn bộ bao gói niêm phong và 0,421g (không thấy bốn hai một gam) chất màu trắng; 0,071 (Không thấy không bảy một) gam chất bột màu hồng. Là

mẫu vật còn lại sau giám định. Tất cả được đựng trong 01 phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ. 01 (một) vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long màu vàng, 01 (một) túi nilon màu trắng, 01 (một) gói ni lon màu trắng, 01 (một) gói ni lon màu đen. Tất cả các đối tượng sau khi giám định nêu trên được niêm phong trong phong bì thư do Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành được dán kín có các chữ ký, chữ viết của các bên và các hình dấu giáp lai của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa. Không có giá trị sử dụng. Do đó, cần áp dụng quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 47 BLHS 2015; điểm a, khoản 2 Điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu, tiêu hủy.

+ 01 xe mô tô BKS 36H7-04262 hiệu HONDA màu sơn đỏ đen là tài sản hợp pháp của chị Trương Thị D, trú tại Khu phố M Thị trấn C, huyện B, tỉnh Th. Bị cáo mượn xe đi mua ma túy chị D không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Tr, áp dụng điểm a khoản 3 điều 106 BLTTHS, tuyên trả lại xe mô tô cho chị D.

[9] Về án phí: Các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 (áp dụng thêm khoản 2 đối với bị cáo Trương Văn Trung) Điều 51; Điều 38, điều 58 BLHS 2015;

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS 2015; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, Điều 331, 333 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng lệ phí, án phí Tòa án.

1. *Tuyên:* Bị cáo **Trần Văn D, Trương Văn Tr** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

2. *Xử phạt:* Bị cáo **Trần Văn D 21 (Hai mươi một)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 05/6/2021.

**Trương Văn Tr 18 (Mười tám)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 05/6/2021.

3. *Về xử lý vật chứng:* Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong bên trong chứa 1,813g (một phẩy tám một ba gam) các cục chất bột trắng

ngà; 0,030g (không phải không ba không gam) các cục bột màu hồng. Là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 (một) vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long màu vàng, 01 (một) túi nilon màu trắng, 01 (một) gói ni lon màu trắng, 01 (một) gói ni lon màu đen. Tất cả các đối tượng sau khi giám định nêu trên được niêm phong trong phong bì thư do Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành được dán kín có các chữ ký, chữ viết của các bên và các hình dấu giáp lai của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa.

+ Tuyên trả cho chị Trương Thị D, trú tại Khu phố M Thị trấn C, huyện B, tỉnh Thanh Hóa 01 xe mô tô BKS 36H7-04262 hiệu HONDA màu sơn đỏ đen.

Đặc điểm vật chứng thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 09 tháng 9 năm 2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Quan Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa .

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn D, Trương Văn Tr mỗi phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, có mặt các bị cáo. Vắng mặt người có QLNV liên quan. Các bị cáo có quyền kháng cáo toàn bộ nội dung bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án. Người có QLNV liên quan có quyền kháng cáo phần quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án ./

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- VKSND huyện Quan Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT- CA huyện Quan Hóa;
- Cơ quan THAHS- CA huyện Quan Hóa;
- Trại tạm giam- CA tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HSVÀ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lữ Thị Mai**

